TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2025/DS-ST
Ngày: 23 - 12 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đàm Thanh Vũ

Ông Bùi Văn Thắng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Huệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ.

- ***Đại diện*** Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Cần thơ ***tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thuý Hằng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và ngày 23 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2025/TLST-DS, ngày 26 tháng 6 năm 2025 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 257/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Ngô Thị Huỳnh H**, sinh năm 1994 (vắng mặt lúc tuyên án).

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp P, xã M, thành phố Cần Thơ).

* *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Anh **Dương Phúc N**, sinh năm 1991, địa chỉ liên hệ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ) (vắng mặt lúc tuyên án).

- *Bị đơn:* Chị **Hồ Thị Tuyết N1**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Khóm A, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là khu V, phường N, thành phố Cần Thơ) (vắng mặt lúc tuyên án).

* *Người bảo vệ quyên và lợi ích hợp pháp cho bị đơn*: Luật sư **Ngô Thị B** – Công ty L, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H. Địa chỉ: Số G Đ, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt lúc tuyên án).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông **Mạnh Lưu T**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Khóm A, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là khu V, phường N, thành phố Cần Thơ) (có mặt tại phần kiểm tra căn cước, sau đó xin vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/4/2025, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/6/2025 trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn trình bày:

Nguyên vào ngày 26/10/2024, vợ chồng chị Hồ Thị Tuyết N1, anh M Lưu T có vay của chị Ngô Thị Huỳnh H số tiền là 310.000.000 đồng (Ba trăm mười triệu đồng). Việc vay tiền hai bên có làm tờ biên nhận và do chính tay chị N1 ký tên vào tờ biên nhận, anh T có cũng biết và chứng kiến. Tiền lãi vay hai bên tự thỏa thuận là 3%/tháng. Mục đích vay: Chị N1 và anh T đáo hạn ngân hàng và chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Thời hạn vay: khi nào chị H cần sử dụng thì chị H sẽ thông báo cho chị N1, anh T để chuẩn bị đủ số tiền nêu trên trả lại cho chị H. Việc nhận tiền là do chính tay chị N1 là người nhận tiền.

Tuy nhiên, kể từ ngày vay cho đến ngày 28/01/2025 thì chị H đã thông báo cho chị N1, anh T biết để trả số tiền vay nêu trên, nhưng cho đến nay chị N1, anh T không trả số tiền gốc 310.000.000 đồng và cũng như không đóng số tiền lãi đúng theo thỏa thuận. Chị H cũng đã nhiều lần đến nhà để yêu cầu vợ chồng chị N1, anh T trả nợ nhưng chị N1, anh T chỉ hứa nhưng không thực hiện. Nay chị H yêu cầu Tòa án buộc chị N1, anh T có trách nhiệm liên đới trả cho chị H số tiền nợ vay là: 310.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 26/10/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 22/12/2025. Cụ thể: 310.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 01 năm 01 tháng 29 ngày = 71.357.867 đồng. Tổng cộng vốn gốc và lãi là 385.357.867 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị Huỳnh H và người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn thừa nhận có nhận số tiền lãi của chị N1 đã đóng cho chị H tính đến ngày 23/3/2025 (như bản sao kê mà chị N1 có giao nộp cho Tòa án) với số tiền là 91.420.000 đồng. Chị H cho rằng đây là số tiền lãi chứ không phải vừa tiền lãi và số tiền gốc như bị đơn chị N1 trình bày.

Đồng thời, nguyên đơn chị H và người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn cho rằng: Tiền lãi mà giữa nguyên đơn với bị đơn thỏa thuận thanh toán trước đây là 1,66%/tháng (tương đương 19,92%/năm) và chỉ đồng ý lấy số tiền lãi phía bị đơn chị N1 trả cho chị H vượt quá quy định 20%/năm trừ vào số tiền gốc kể từ ngày xét xử sơ thẩm. Cụ thể: số tiền mà chị N1 phải thanh toán cho chị H tính đến ngày xét xử sơ thẩm sau khi đã trừ đi số tiền lãi mà chị N1 đã thanh toán cho chị H: 385.357.867 đồng – 91.420.000 đồng = 293.937.867 đồng.

Tại đơn phản tố ngày 28/7/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn chị Hồ Thị Tuyết N1 trình bày:

Chị Hồ Thị Tuyết N1 với chị Ngô Thị Huỳnh H là bạn bè với nhau. Trong quá trình làm ăn, chị H nhiều lần nhắn tin với chị N1 nói là hoàn cảnh khó khăn, nên mượn tiền chị N1 và nhờ chị N1 hỗ trợ giúp chị H vay ngân hàng. Sau đó, chị H nhiều lần vay mượn tiền của chị N1 và làm ăn chung với chị N1, nên chị N1 hoàn toàn tin tưởng chị H. Chị H đã kêu chị N1 hùn tiền (góp vốn) làm ăn chung và cùng làm đáo hạn ngân hàng. Việc chị N1 và chị H làm ăn không có anh M Lưu T là chồng của chị N1 tham gia và anh T cũng không biết sự việc này. Tổng số tiền chị H đã hùn (góp vốn) với chị N1 làm đáo hạn ngân hàng là 310.000.000 đồng (Ba trăm mười triệu đồng).

Sau đó, chị H buộc chị N1 phải trả lãi suất cho chị H hàng tuần tương đương với lãi suất: 200.000 đồng/100.000.000 đồng/ngày thì số tiền: 310.000.000 đồng x 200.000 đồng/100.000.000 đồng = 620.000 đồng/ngày. Cụ thể: (620.000 đồng/310.000.000 đồng) x 100% = 0.2%/ngày tương được lãi suất 01 năm 365 ngày: 0.2%/ngày x 365-73%/năm.

Hàng tuần chị N1 phải trả lãi thông qua hình thức chuyển khoản cho chị H - số tài khoản 45738073 - Ngân hàng TMCP K (K1). Cụ thể, tổng cộng số tiền chị N1 đã chuyển tiền lãi 21 tuần cho chị H là 91.420.000 đồng từ ngày 02/11/2024 đến ngày 23/3/2025 (đính kèm sao kê).

Trong quá trình làm đáo hạn, chị N1 bị lừa số tiền lớn nên chị N1 gặp khó khăn trong việc xoay sở T1. Biết chị N1 rơi vào hoàn cảnh khó khăn, tuy nhiên chị H vẫn buộc chị N1 phải thanh toán lãi cao. Cho nên chị N1 phải vay mượn nhiều nơi để trả lãi cho chị H. Vì số lãi nặng nên chị N1 đã xin chị H gia hạn thời gian trả vốn và lãi thì chị H buộc chị N1 phải ký Biên nhận ngày 26/10/2024 với nội dung là chị N1 có mượn chị H với số tiền 310.000.000 đồng.

Đối với số tiền 91.420.000 đồng mà chị N1 đã thanh toán cho chị H thông qua việc chuyển khoản 21 lần, mỗi lần đều có tiền vốn gốc và tiền lãi, nhưng chị N1 không nhớ cụ thể số tiền gốc là bao nhiêu và số tiền lãi là bao nhiêu. Tuy nhiên, số tiền lãi nêu trên mà chị N1 đã thanh toán cho chị H đã vượt quá quy định của pháp luật, nên chị N1 có làm đơn phản tố và đề nghị Tòa án xem xét trừ số tiền mà chị N1 thanh toán cho chị H vượt quá quy định vào số tiền gốc kể từ ngày 23/3/2025.

Tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tại thời điểm trả nợ. Qua trình bày của các bên đương sự, xét thấy: Giữa nguyên đơn với bị đơn chưa thống nhất về số tiền lãi mà hai bên đã thỏa

thuận tại thời điểm vay, cho nên đề nghị Tòa án áp dụng mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi cho yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên Tòa, bị đơn chị Hồ Thị Tuyết N1 thống nhất với lời trình bày và đề nghị của người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn.

Tại bản tự khai ngày 28/7/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mạnh Lưu T ***trình bày:***

Giữa anh với chị Hồ Thị Tuyết N1 là vợ chồng và có đăng ký kết hôn với nhau. Ngày 26/6/2025, anh nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 102/TB-TLVA ngày 26/6/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa nguyên đơn là chị Ngô Thị Huỳnh H và bị đơn là chị Hồ Thị Tuyết N1 và anh là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, với nội dung cụ thể là:

"Yêu cầu bà Hồ Thị Tuyết N1 và ông Mạnh Lưu T có trách nhiệm liên đới phải trả cho chị H tổng số tiền còn nợ là 348.766.533 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 310.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả 38.766.533 đồng (lãi xuất từ ngày vay 26/10/2024 đến ngày 11/6/2025, mức lãi xuất 1,66%). Đồng thời, yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày khởi kiện cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,66%/tháng".

Anh không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Huỳnh H. Vì anh không biết chị Ngô Thị Huỳnh H, không biết đến mối quan hệ làm ăn giữa chị N1 (vợ của anh)và chị H. Đồng thời, anh chưa ký bất kỳ văn bản nào liên quan đến chị Ngô Thị Huỳnh H cũng như chưa từng nhận bất cứ số tiền nào từ chị Ngô Thị Huỳnh H.

Nay anh yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết: Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Huỳnh H theo đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2025 và Đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung đề ngày 12/6/2025 liên quan đến anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn, bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn chị Hồ Thị Tuyết N1 đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật (trong đó người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mạnh Lưu T xin xét xử vắng mặt), nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mạnh Lưu T theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Huỳnh H về việc yêu cầu bị đơn chị Hồ Thị

Tuyết N1 trả số tiền vay còn thiếu 259.535.258 đồng. Trong đó, tiền vốn vay là 230.721.663 đồng và tiền lãi là 28.813.595 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận việc nguyên đơn yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mạnh Lưu T cùng liên đới có trách nhiệm thanh toán nợ với chị Hồ Thị Tuyết N1 cho chị Ngô Thị Huỳnh H và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, bị đơn có địa chỉ tại Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ nên theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mạnh Lưu T có mặt trong phần kiểm tra căn cước (phần thủ tục bắt đầu phiên tòa), nhưng sau đó anh T trình bày do con bị bệnh không có người chăm sóc và đề nghị xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Huỳnh H, về việc yêu cầu bị đơn chị Hồ Thị Tuyết N1, anh Mạnh Lưu T (chồng chị N1) liên đới thanh toán cho chị H số tiền vốn vay 310.000.000 đồng và tiền lãi 1,66%/tháng tính từ ngày 26/10/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/12/2025 là 71.357.867 đồng. Chị H đồng ý trừ số tiền lãi mà chị N1 thanh toán dư so với quy định trừ vào số tiền gốc kể từ ngày xét xử sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Hồ Thị Tuyết N1 thừa nhận vào ngày 26/10/2024 chị N1 có viết giấy nhận nợ là có mượn số tiền 310.000.000 đồng của chị Ngô Thị Huỳnh H. Chị N1 có chuyển khoản cho chị H tổng cộng 21 lần với tổng số tiền 91.420.000 đồng, tại phiên tòa nguyên đơn chị H thừa nhận có nhận số tiền chuyển khoản nêu trên của chị N1. Do đó, đây là tình tiết có thật các bên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4.2] Đối với số tiền 91.420.000 đồng mà chị Hồ Thị Tuyết N1 chuyển khoản cho chị Ngô Thị Huỳnh H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.2.1] Theo lời trình bày của chị N1 cho rằng: Số tiền của mỗi lần chuyển khoản là có cả tiền lãi và tiền gốc nhưng không biết tiền gốc bao nhiêu và tiền lãi bao nhiêu. Ngược lại, chị H cho rằng đó là số tiền lãi chứ không phải tiền gốc. Cho nên, Hội đồng xét xử ghi nhận số tiền 91.420.000 đồng là số tiền lãi mà bị đơn chị N1 đã đóng cho nguyên đơn chị H (theo lời thừa nhận của chị H), là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4.2.2] Theo tờ giấy "Biên nhận" ngày 26/10/2025 bên giao tiền chị Ngô Thị Huỳnh H với bên nhận tiền chị Hồ Thị Tuyết N1 không thể hiện tiền lãi hai bên thỏa thuận là bao nhiêu;

[4.2.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn cho rằng việc thỏa thuận tiền lãi hai bên thỏa thuận khi chị N1 vay tiền là 3%/tháng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị N1 đồng ý có thỏa thuận lãi nhưng không nhớ là bao nhiêu, nhưng chị N1 cho rằng không phải là 3%/tháng như phía nguyên đơn trình bày.

[4.3] Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2025 quy định:

"1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ".

[5] Từ những cơ sở phân tích nêu trên tại các mục số [4.2] và [4.3], Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với phần lãi suất các bên chưa thống nhất, không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự tại thời điểm trả nợ.

[6] Tại phiên tòa, bị đơn chị N1 đồng ý số tiền lãi mà chị đã thanh toán cho chị H vượt quá quy định của pháp luật được khấu trừ vào số tiền gốc tính từ ngày 23/3/2025. Việc bị đơn yêu cầu trừ vào số tiền gốc vào ngày này là tự nguyện và có lợi cho nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện trên của bị đơn.

[7] Như vậy, số tiền lãi 10%/năm đối với số tiền vốn 310.000.000 đồng tính từ ngày 26/10/2024 đến ngày 23/3/2025: 310.000.000 đồng x 10%/năm x 4 tháng 27 ngày = 12.141.163 đồng.

[8] Đối với số tiền 91.420.000 đồng mà bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tính từ ngày 26/10/2024 đến ngày 23/3/2025 là vượt quá quy định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 91.420.000 đồng – 12.141.663 đồng = 79.278.337 đồng.

[9] Như vậy, số tiền gốc mà bị đơn chị Hồ Thị Tuyết N1 còn thiếu đối với nguyên đơn chị Ngô Thị Huỳnh H tính đến thời điểm ngày 23/3/2025 (sau khi được trừ vào số tiền lãi mà chị N1 đã trả cho chị H vượt mức quy định) là: 310.000.000 đồng - 79.278.337 đồng = 230.721.663 đồng.

[10] Số tiền lãi tính từ ngày 24/3/2025 đến ngày 22/12/2025 (ngày xét xử sơ thẩm): 230.721.663 đồng x 10%/năm x 8 tháng 28 ngày = 16.671.932 đồng.

[11] Tổng tiền vốn vay và lãi mà chị N1 phải thanh toán cho chị Ngô Thị Huỳnh H tính đến ngày 22/12/2025 là: 230.721.663 đồng + 12.141.663 đồng + 16.671.932 đồng = 259.535.258 đồng (trong đó tiền vốn vay là 230.721.663 đồng và tiền lãi là 28.813.595 đồng). Do đó, việc người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn yêu cầu tính mức lãi suất 1,66%/tháng đối với số tiền gốc 310.000.000 đồng đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền là 71.357.867 đồng và cộng với số tiền gốc 310.000.000 đồng, sau đó trừ vào số tiền lãi mà chị N1 đã trả cho chị H trước đó là 91.420.000 đồng. Tổng số tiền mà chị N1 phải thanh toán cho chị H tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 289.937.867 đồng là chỉ có căn cứ một phần.

Số tiền phía nguyên đơn chị Ngô Thị Huỳnh H yêu cầu bị đơn chị Hồ Thị Tuyết N1 trả không được chấp nhận là: 289.937.867 đồng - 259.535.258 đồng = 34.402.609 đồng.

[12] Xét việc nguyên đơn chị H yêu cầu anh Mạnh Lưu T (chồng của chị N1) cùng liên đới với chị N1 thanh toán số tiền vay và tiền lãi cho chị H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[12.1] Tại tờ "Biên nhận" ngày 26/10/2024, khi chị H cho chị N1 vay tiền thì chỉ có riêng mình chị N1 ký tên, trong biên nhận không có anh Mạnh Lưu T ký tên;

[12.2] Tại bản tự khai ngày 28/7/2025, anh Mạnh Lưu T – chồng của chị N1 trình bày: Việc chị N1 là vợ của anh có vay mượn tiền của chị H như thế nào thì anh không biết, anh không biết chị H và cũng không nhận số tiền nào từ chị H.

[12.3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị N1 trình bày: Số tiền 310.000.000 đồng mà chị vay của chị H là để cho người bạn của chị xử lý nợ, chị không sử dụng số tiền trên để phục vụ kinh tế gia đình. Việc vay mượn tiền của chị H thì chồng của chị là anh T không biết, anh T cũng không có chứng kiến việc chị vay mượn tiền của chị H.

[12.4] Từ những cơ sở phân tích nêu trên tại các mục số [12.1], [12.2] và [12.3], Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Việc nguyên đơn chị H yêu cầu anh Mạnh Lưu T có trách nhiệm liên đới cùng với chị Hồ Thị Tuyết N1 thanh toán số tiền vay và tiền lãi cho chị H là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[13] Xét lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Xét lời đề nghị của vị Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu tiền án phí đối với số tiền không được chấp nhận 34.402.609 đồng và tiền án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mạnh Lưu T cùng liên đới với bị đơn thanh toán nợ cho nguyên đơn; Bị đơn phải chịu tiền án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu tiền án phí đối với yêu cầu này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Huỳnh H đối với bị đơn chị Hồ Thị Tuyết N1.

- Buộc bị đơn chị Hồ Thị Tuyết N1 thanh toán cho chị Ngô Thị Huỳnh H số tiền vay 259.535.258 đồng (hai trăm năm mươi chín triệu, năm trăm ba mươi lăm ngàn hai trăm năm mươi tám đồng). Trong đó, số tiền vốn vay là 230.721.663 đồng và tiền lãi là 28.813.595 đồng.

- Không chấp nhận việc nguyên đơn chị Ngô Thị Huỳnh H yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mạnh Lưu T (chồng chị N1) cùng liên đới với chị Hồ Thị Tuyết N1 thanh toán nợ cho chị H.

- Không chấp nhận việc nguyên đơn chị Ngô Thị Huỳnh H yêu cầu bị đơn trả số tiền vay là 34.402.609 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn chị Hồ Thị Tuyết N1 đối với nguyên đơn chị Ngô Thị Huỳnh H, về việc yêu cầu trừ số tiền lãi 91.420.000 đồng đã thanh toán từ ngày 26/10/2024 đến ngày 23/3/2025 cho chị H vượt quá quy định vào số tiền gốc (91.420.000 đồng – 12.141.663 đồng = 79.278.337 đồng).

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị Ngô Thị Huỳnh H có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng chị Hồ Thị Tuyết N1 phải trả lãi cho chị H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Ngô Thị Huỳnh H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.720.130 đồng và án phí không có giá ngạch 300.000 đồng, nhưng chị H được

khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.750.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009904 ngày 11/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Cần Thơ). Như vậy, chị H đã nộp xong tiền án phí và được nhận lại số tiền còn dư là 5.729.870 đồng.

- Bị đơn chị Hồ Thị Tuyết N1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 12.976.762 đồng, nhưng chị N1 được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001392 ngày 28/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Như vậy, chị Hồ Thị Tuyết N1 còn phải nộp thêm số tiền án phí là 12.676.762 đồng.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Văn Đua